

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Hùng

Ông Nguyễn Duy Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh kết nối với điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Phan Văn C, sinh ngày 26/10/1987 tại thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị S; Có vợ: Chị Trần Thị H và 05 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 21/7/2023 đến nay; *Có mặt*

- Bị hại: Anh Trương Huy C1; Sinh năm 1982; Trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; *Có mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty CP T2; Địa chỉ trụ sở: Số A, đường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Đình C2 - Chức vụ Kế toán Công ty; *Có mặt*

2. Anh Lê S1; Sinh năm 1979; Trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lái xe; *Có mặt*

3. Anh Hoàng Lưu N; Sinh năm: 1971; Trú tại: Tổ C, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

4. Chị Trần Thị H; Sinh năm 1987; Trú tại: Thôn H, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Có mặt*

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị D; Sinh năm 1989; Trú tại: Số C, đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt
2. Ông Nguyễn Văn H1; Sinh năm 1969; Trú tại: Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt
3. Anh Trần Văn N1; Sinh năm 1991; Trú tại: C, T, Đ, thành phố Hà Nội; Vắng mặt
4. Ông Nguyễn Thành N2; Sinh năm 1977; Trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt
5. Anh Nguyễn Văn T1; Sinh năm 1993; Trú tại: Thôn H, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt
6. Ông Nguyễn Thanh C3; Sinh năm 1980; Trú tại: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt
7. Anh Nguyễn Huy D1; Sinh năm 1989; Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt
8. Anh Lê Hữu Đ; Sinh năm 1983; Trú tại: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/11/2022, Phan Văn C đến cửa hàng cho thuê xe tự lái ở địa chỉ số B đường V thuộc phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh do anh Trương Huy C1 làm chủ để thuê xe ô tô tự lái làm phương tiện đi lại. Hai bên lập Hợp đồng số 2611/HĐCTXTL ngày 26/11/2022 với nội dung C thuê 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu nâu vàng, biển kiểm soát 38A-416.66 của anh C1 từ ngày 26/11/2022 với giá thuê mỗi ngày là 466.000 đồng tương ứng 14.000.000 đồng/tháng. Thời gian thuê xe được ghi bắt đầu từ 06 giờ 30 phút ngày 26/11/2022 còn thời gian trả xe thì bỏ trống. Xe là tài sản của anh C1, C không được cầm cố ký gửi dưới mọi hình thức. Anh C1 và C thống nhất với nhau bằng miệng là cho thuê xe theo tháng, đến hạn ngày 25 của tháng sau thì phải trả tiền thuê xe cho tháng mới. Nếu C không trả tiền thuê tiếp thì anh C1 sẽ gọi điện thông báo kết thúc việc cho thuê xe và điền ngày kết thúc vào hợp đồng.

Trong thời gian sau đó, anh Nguyễn Văn H1 biết Phan Văn C làm nghề mua bán xe ô tô cũ nên nhờ C tìm giúp xe ô tô tải loại HD99 cũ để mua vận chuyển hàng hóa. Vì vậy, C thỏa thuận mua của anh Lê S1 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai HD99, biển kiểm soát: 37C-226.46 với giá 415.000.000 đồng (xe anh S1 mua của Công ty cổ phần T2 nhưng chưa làm thủ tục sang tên), C đặt cọc trước cho anh S1 số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, C chào bán chiếc xe này cho anh H1 với giá 450.000.000 đồng. Ban đầu anh H1 đồng ý mua nhưng sau khi kiểm tra chiếc xe thì không ưng ý nên không đồng ý mua nữa. Vì vậy, C chào bán chiếc xe trên cho anh Hoàng Lưu N với giá 450.000.000 đồng. Anh N xem thông tin chiếc xe và trả giá 420.000.000 đồng, C đồng ý bán. Anh N chuyển khoản cho C số tiền 150.000.000 đồng tiền cọc. Sau khi nhận tiền, C

đã liên hệ với anh S1 để anh S1 liên hệ với Công ty T2 (đứng tên đăng ký xe) xuất hoá đơn bán xe cho anh Hoàng Lưu N và hẹn sát Tết Nguyễn Đ1 sẽ giao nhận xe. Sau khi C gửi ảnh chụp hoá đơn cho anh N xem thì anh N tiếp tục chuyển vào tài khoản cho C số tiền 200.000.000 đồng và hẹn khi nào giao xe sẽ trả nốt số tiền còn lại. Lúc đó do cần tiền để đầu tư kinh doanh cây cảnh dịp Tết và mua bán xe ô tô cũ khác nên C đã sử dụng hết số tiền 350.000.000 đồng. C nói với anh N việc sử dụng số tiền trên buôn bán cây cảnh và mua bán xe ô tô cũ rồi hẹn lại với anh N là sau Tết sẽ giao xe thì anh N đồng ý. Ngày 14/02/2023, anh N cùng anh Trần Văn N1 đi vào tỉnh Hà Tĩnh gặp C yêu cầu C giao xe hoặc trả lại tiền. Sau đó C lái xe ô tô Vios biển kiểm soát 38A-416.66 chở anh N1 và anh N đến gặp anh S1. C giới thiệu anh N là người mua xe với anh S1 và nói anh S1 giao xe cho anh N nhưng vì C chưa trả tiền mua xe nên anh S1 không đồng ý. Anh N yêu cầu C phải xử lý để anh N lấy xe ô tô tải HD99 biển kiểm soát 37C-226.46 đi về. C xin đi xoay tiền thì anh N yêu cầu C phải để xe ô tô Vios biển kiểm soát 38A-416.66 lại để làm tin, C đồng ý. Sau đó C gọi điện nhờ anh Lê Hữu Đ chở vào huyện C để gặp chị Nguyễn Thị D (là bạn gái của C) để nói D đưa tiền nhưng thời điểm đó giữa C và chị D đang có khúc mắc tình cảm nên chị D không chịu gặp. Sau đó, anh Đ chở C quay lại gặp anh S1 và anh N. Lúc này, anh S1 không chịu giao xe, còn anh N muốn giao nhận xe ngay nên tất cả thống nhất lên cơ quan Công an giải quyết. Trên đường đi anh N đưa ra phương án là C để lại cho anh S1 chiếc xe ô tô Toyota Vios biển kiểm soát 38A-416.66 để đảm bảo việc C sẽ trả tiền cho anh S1 để anh S1 giao xe ô tô tải HD99 biển kiểm soát 37C-226.46 lại cho anh N thì C đồng ý. Tất cả quay lại Quán C5 để giao dịch. Khi quay lại Quán C5, anh N nói C viết giấy tờ về việc gán xe ô tô Vios biển kiểm soát: 37C-226.46 cho anh S1 để đảm bảo cho việc C sẽ trả tiền mua xe. Sau đó C đã viết giấy với nội dung C để chiếc xe ô tô Vios, biển kiểm soát: 38A-416.66 cùng giấy tờ liên quan lại cho anh S1 và hẹn ngày 30/02/2023 C sẽ trả số tiền mua xe còn thiếu là 395.000.000 đồng cho anh S1 để anh S1 tạo điều kiện cho C mang chiếc xe ô tô tải HD99, biển kiểm soát: 37C-226.46 giao cho khách. Viết xong thì C và anh S1 cùng ký tên đồng ý, anh N và anh N1 cũng ký tên làm chứng. Sau khi thủ tục giấy tờ hoàn tất thì anh N đã chuyển khoản cho C số tiền 67.000.000 đồng là số tiền anh N còn thiếu C để mua xe (trong đó anh N đã trừ của C 3.000.000 đồng kinh phí chuyển xe về thành phố Hà Nội). Sau đó anh N và anh S1 thống nhất để trả hàng trên xe đã rồi giao xe sau. Anh S1 điều khiển chiếc xe ô tô Vios, biển kiểm soát: 38A-416.66 đi về nhà còn chiếc xe ô tô tải HD99, biển kiểm soát: 37C-226.46 thì anh S1 nhờ lái xe là anh Nguyễn Huy D1 điều khiển về nhà anh Nguyễn Thanh C3 để giao hàng. Anh N, anh N1 điều khiển xe đi theo sau anh D1. Trên đường đi về nhà, anh S1 mở giấy tờ xe ô tô Vios, biển kiểm soát: 38A-416.66 ra xem thì thấy xe đứng tên người khác chứ không phải tên của C nên nghi ngờ và gọi điện thoại cho C hỏi C chiếc xe ô tô Vios, biển kiểm soát: 38A-416.66 này là xe của ai thì C trả lời ấp úng. Thấy chiếc xe không rõ nguồn gốc nên anh S1 quyết định không thực hiện như thoả thuận trước đó. Sau đó anh S1 điều khiển xe ô tô Vios, biển kiểm soát: 38A-416.66 đi về điểm giao hàng ở nhà anh Nguyễn Thanh C3. Tại nhà của anh C3, anh S1 nói với anh N là sẽ không giao chiếc xe tải HD99, biển kiểm soát: 37C-226.46 vì lý do chiếc xe ô tô Vios, biển kiểm soát: 38A-416.66 không rõ nguồn gốc. Sau đó anh S1, anh N, anh N1 gọi điện cho C và C đồng ý phương

án để anh N mang chiếc xe ô tô Vios, biển kiểm soát: 38A- 416.66 về thành phố Hà Nội để làm tin, C hẹn anh N là C sẽ ra thành phố Hà Nội trả lại cho anh N số tiền 417.000.000 đồng và lấy xe về sau. Sau khi thống nhất nội dung trên anh S1 bàn giao xe ô tô Vios, biển kiểm soát: 38A- 416.66 cùng giấy tờ liên quan lại cho anh N rồi đưa tờ giấy mà C đã viết tay trước đó ra đốt trước sự chứng kiến của những người khác. Thời gian sau đó C có nhiều lần chuyển tiền trả cho anh N nhưng do còn thiếu số tiền 118.000.000 đồng nữa nên anh N không cho C lấy xe về.

Ngày 25/02/2023, anh Nguyễn Huy C4 không thấy C thanh toán tiền thuê xe nên đã nhiều lần liên lạc với C yêu cầu C thanh toán hoặc mang xe về trả tuy nhiên C không thực hiện. Đến ngày 07/3/2023, anh C4 điền vào hợp đồng thuê xe về thời gian trả xe là 06 giờ 30 phút ngày 25/02/2023 rồi chụp ảnh hợp đồng gửi cho C để thông báo việc chấm dứt hợp đồng cho thuê xe và yêu cầu C trả lại xe cho anh C4, C đã đọc được tin nhắn nhưng không trả lời. Sau đó anh C4 tiếp tục tìm mọi cách để liên lạc với C nhưng C đều trốn tránh nên anh C4 đã trình báo toàn bộ nội dung vụ việc đến Cơ quan điều tra. Tại Cơ quan điều tra C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 11 ngày 20/04/2023 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu nâu vàng, biển kiểm soát 38A-416.66, số khung: RL4B29F30H5011461, số máy: 2NRX124592 năm sản xuất 2017, đã qua sử dụng tại thời điểm tháng 11/2022 có trị giá 340.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu nâu vàng, biển kiểm soát: 38A-41.666 đã qua sử dụng và 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 2866819 của xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát: 38A-41.666 thu giữ từ anh Hoàng Lưu N đã trả lại cho anh Trương Huy C1; 01 Hợp đồng cho thuê xe tự lái số 2611/HĐCTXTL ngày 26/11/2022 giữa anh Trương Huy C1 và Phan Văn C thu giữ từ anh Trương Huy C1 được chuyển theo hồ sơ vụ án; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu xanh lá, dung lượng 128GB, máy cũ đã qua sử dụng, mặt sau của máy bị vỡ thu giữ từ Phan Văn C được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh để xử lý theo quy định.

Về dân sự: Phan Văn C đã nhờ vợ là chị Trần Thị H bồi thường thiệt hại cho anh Trương Huy C1 số tiền 37.000.000 đồng, thanh toán cho anh Hoàng Lưu N số tiền 118.000.000 đồng, anh C1 và anh N không yêu cầu bồi thường gì thêm; Công ty T2 và anh Lê S1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì.

Bản cáo trạng số 73/CT-VKS-TPHT ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố bị cáo Phan Văn Công về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Phan Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Phan Văn C từ 04 năm đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 21/7/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào ngày 26/11/2022, Phan Văn C thuê 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu nâu vàng, biển kiểm soát: 38A-41.666 trị giá 340.000.000 đồng của anh Trương Huy C1 để làm phương tiện đi lại với giá thuê mỗi ngày là 466.000 đồng. Ngày 14/02/2023, do Công nợ anh Hoàng Lưu N tiền mua bán xe ô tô nên C đã cầm cố cho anh N chiếc xe ô tô nói trên để đảm bảo việc trả nợ. Đến ngày 25/02/2023 hết thời hạn thuê xe, anh C1 nhiều lần tìm cách liên lạc với C để yêu cầu C trả xe nhưng do xe ô tô C đã cầm cố cho anh N nên C không trả lại xe cho anh C1. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**” quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 340.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có điều kiện, thời gian cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, về mức án đề nghị phù hợp.

[4] **Về hình phạt bổ sung:** Xét bị cáo nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, hiện đang bị tạm giam nên không xử phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5] **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo đã bồi thường cho bị hại anh Trương Huy C1 số tiền 37.000.000 đồng, thanh toán cho anh Hoàng Lưu N số tiền 118.000.000 đồng, anh C1 và anh N không yêu cầu bồi thường gì thêm; Công ty T2 và anh Lê S1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên miễn xét.

[6] **Về xử lý vật chứng:** Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu nâu vàng, biển kiểm soát: 38A-41.666 đã qua sử dụng và 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 2866819 của xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát: 38A-41.666, Cơ quan điều tra đã thu giữ từ anh Hoàng Lưu N đã trả lại cho anh Trương Huy C1 là phù hợp. Đối với 01 Hợp đồng cho thuê xe tự lái số 2611/HĐCTXTL ngày 26/11/2022 giữa anh Trương Huy C1 và Phan Văn C thu giữ từ anh Trương Huy C1 là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu xanh lá, dung lượng 128GB, máy cũ đã qua sử dụng, mặt sau của máy bị vỡ thu giữ từ Phan Văn C không liên quan đến việc phạm tội nên không tịch thu nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với anh Hoàng Lưu N là người nhận cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu nâu vàng, biển kiểm soát: 38A-41.666 cho Phan Văn C nhưng anh N không biết tài sản đó liên quan đến tội phạm nên không xử lý hình sự.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn C phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

Xử phạt Phan Văn C **04 (bốn) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 21/7/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án Hợp đồng cho thuê xe tự lái số 2611/HĐCTXTL ngày 26/11/2022 giữa anh Trương Huy C1 và Phan Văn C;

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu xanh lá, dung lượng 128GB, máy cũ đã qua sử dụng, mặt sau của máy bị vỡ thu giữ của Phan Văn C để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phan Văn C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Công an TP Hà Tĩnh; THAPT;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền